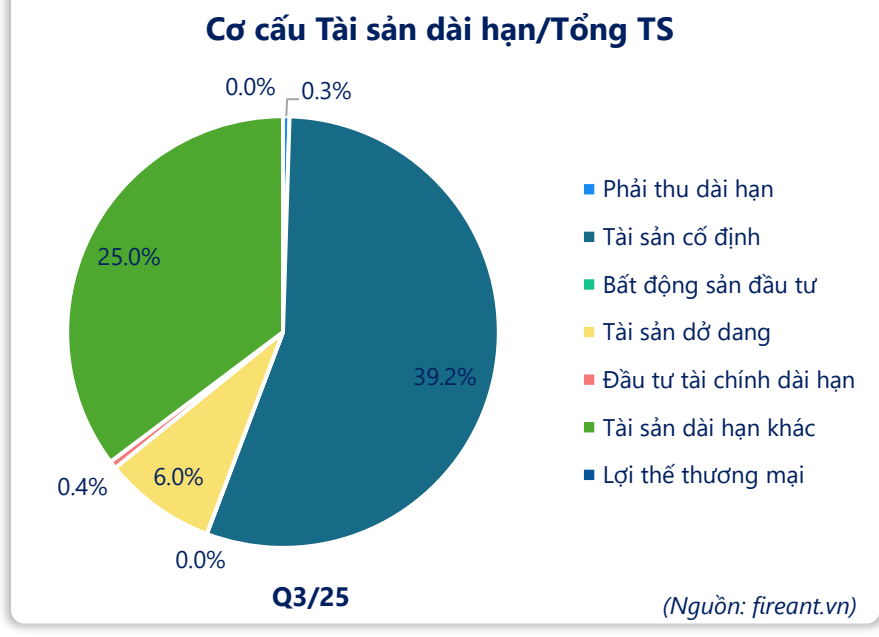
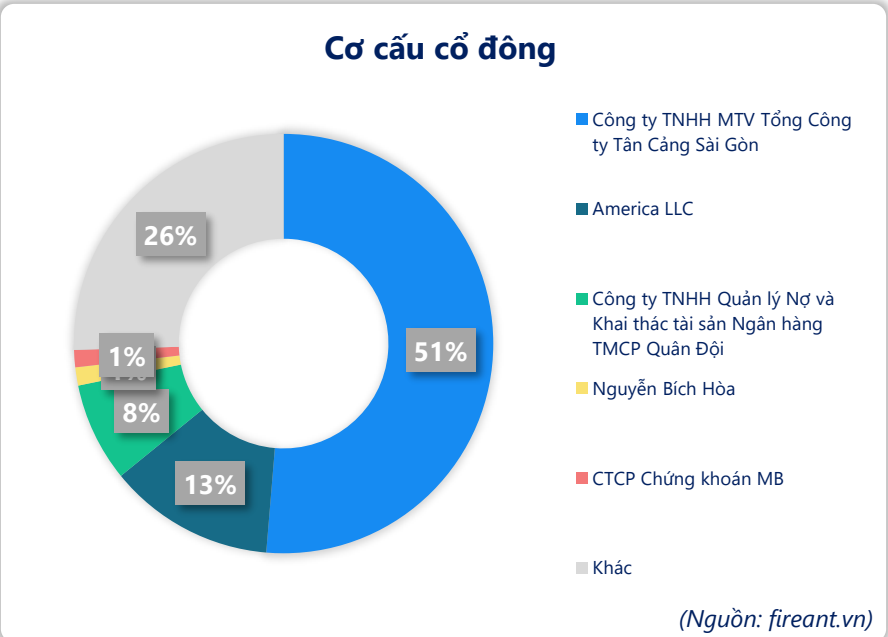
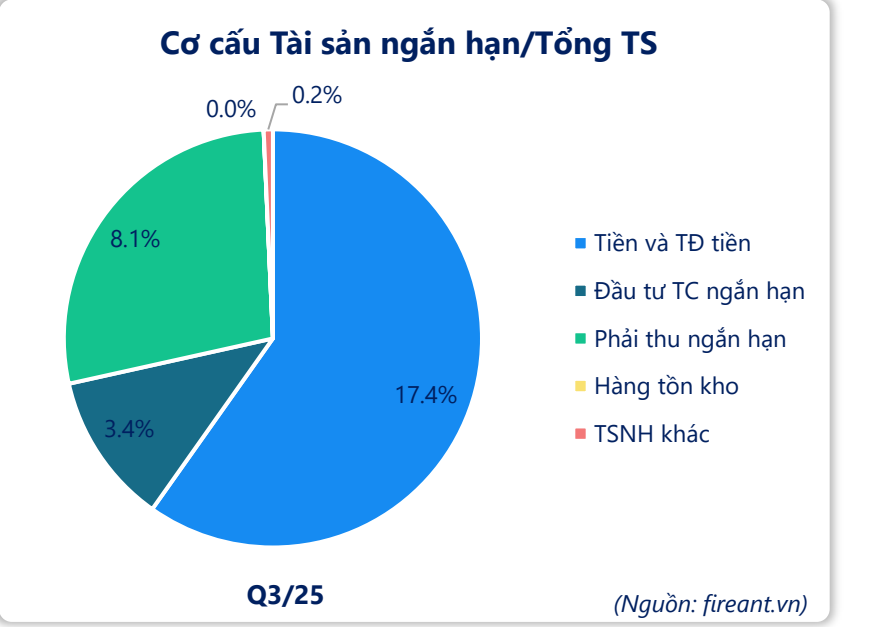
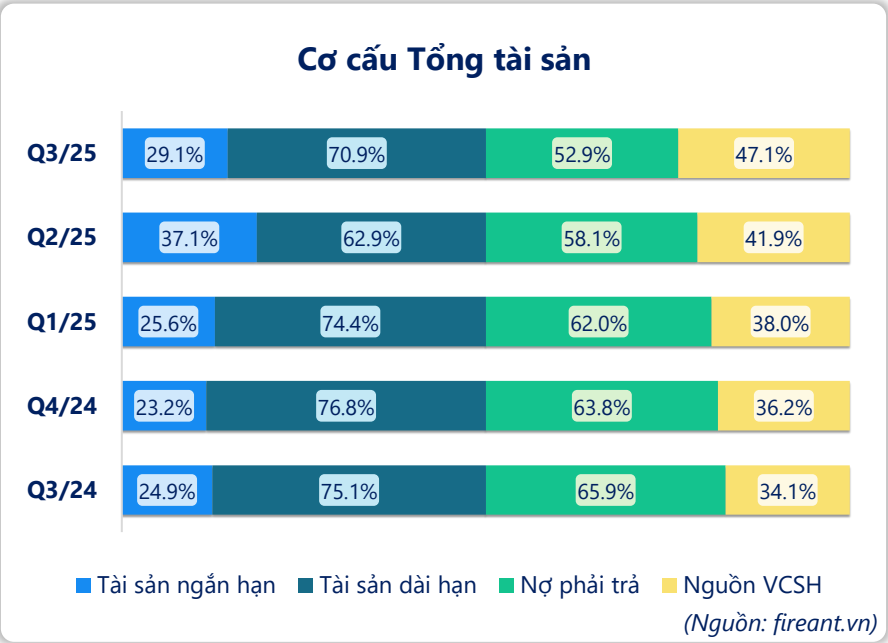
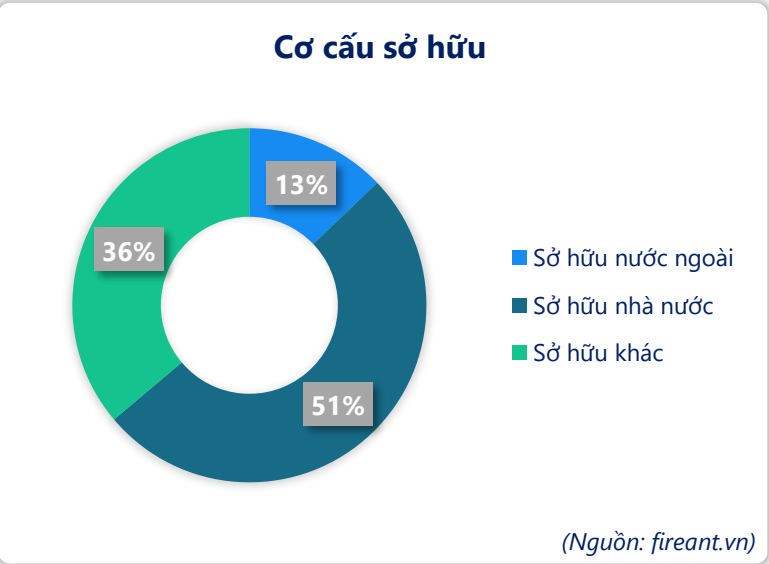
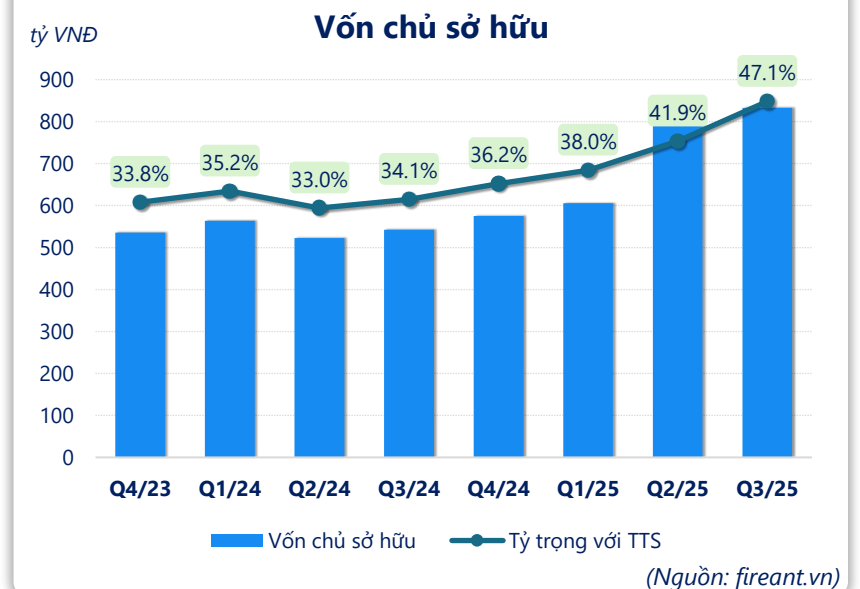
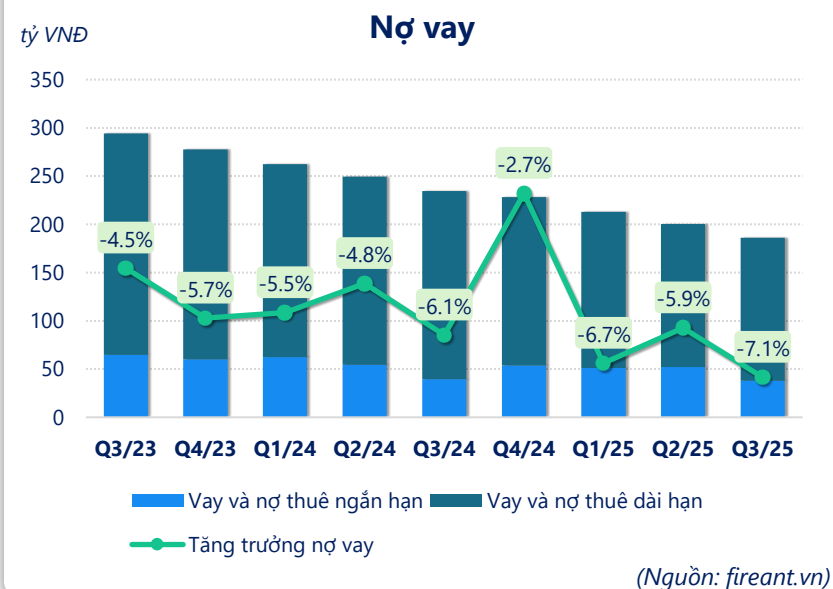
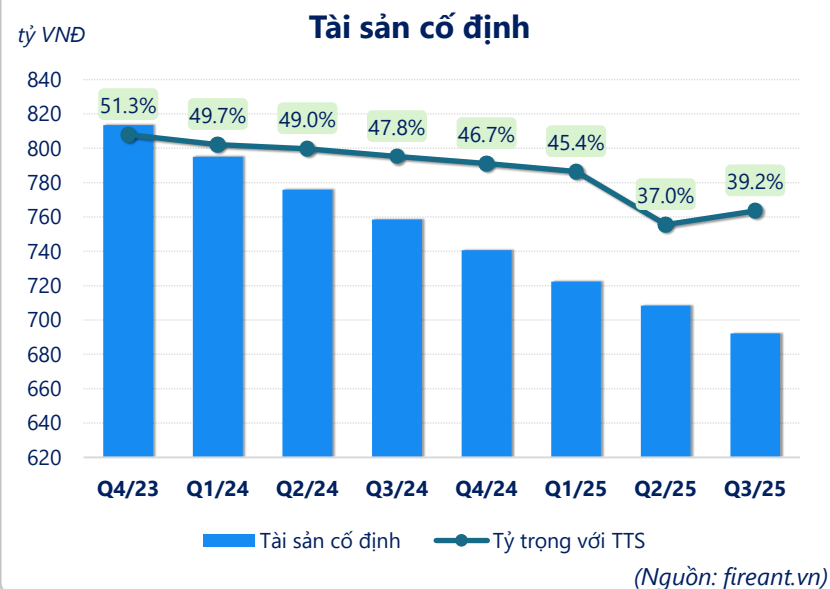
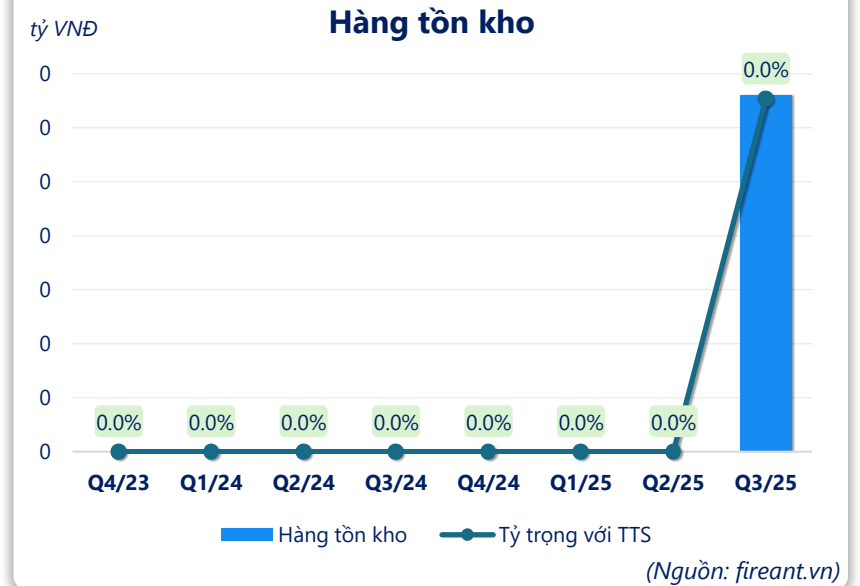
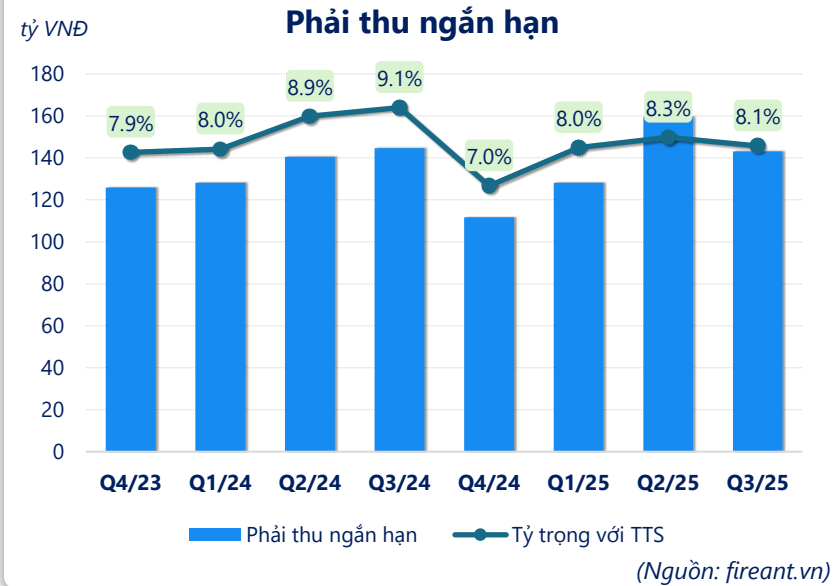
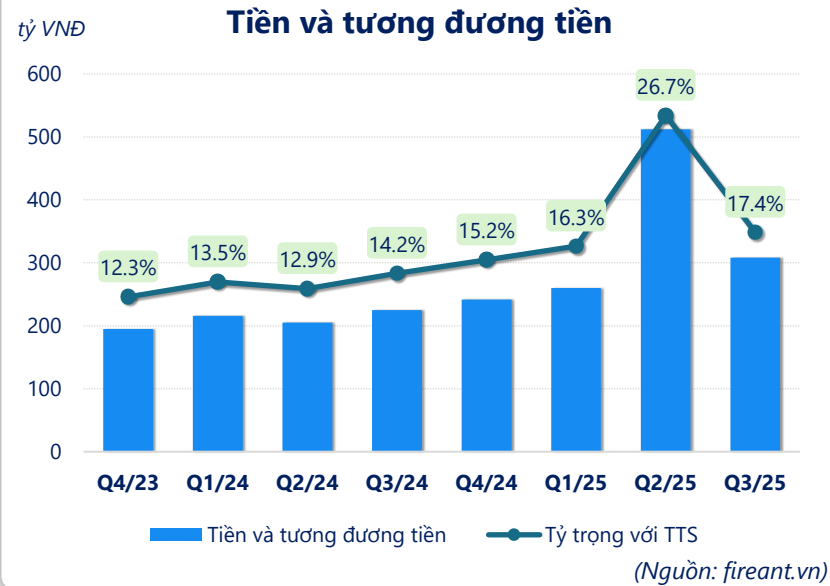
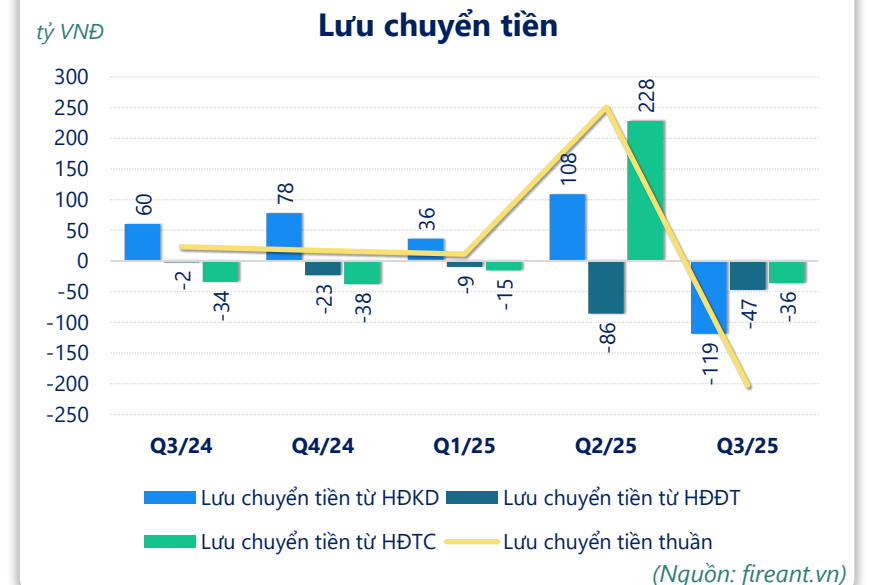
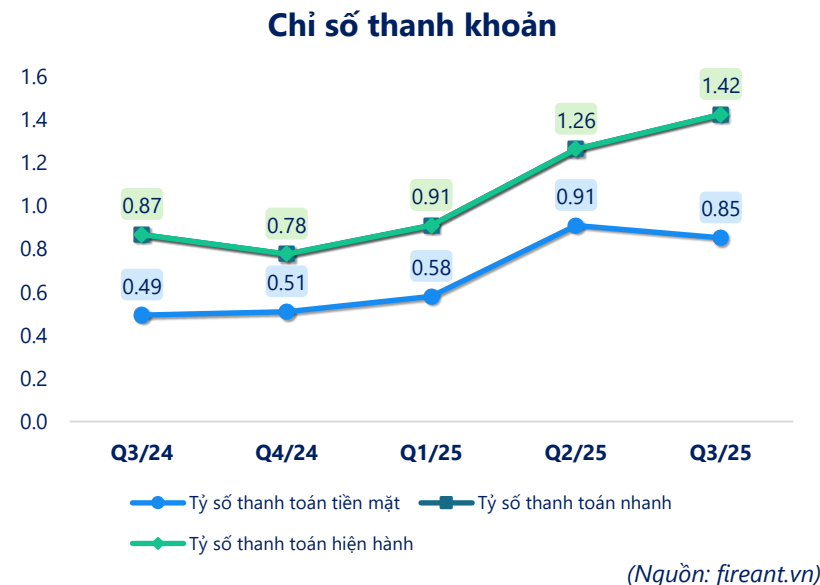
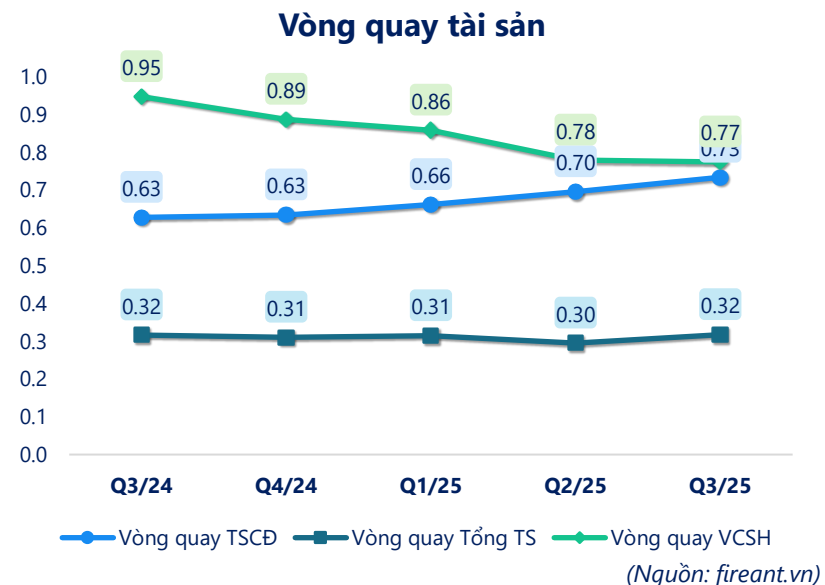
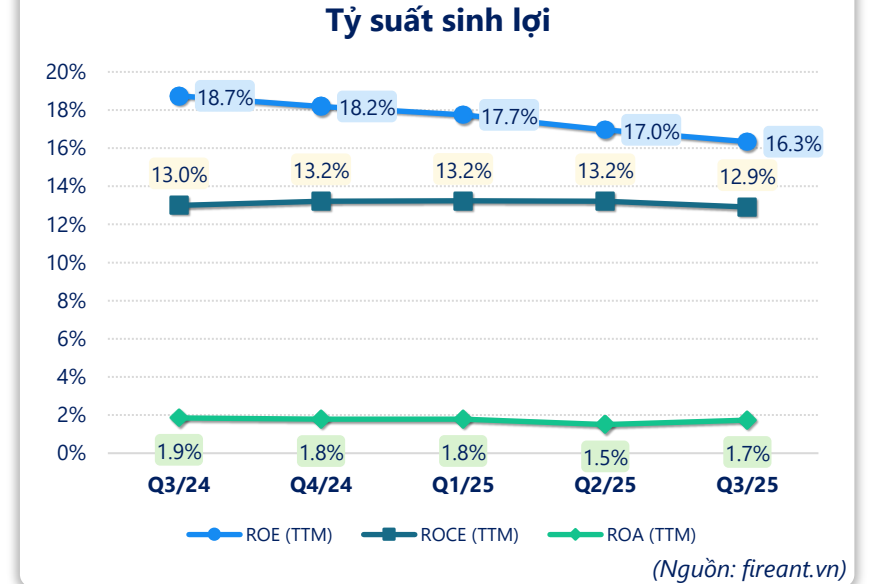
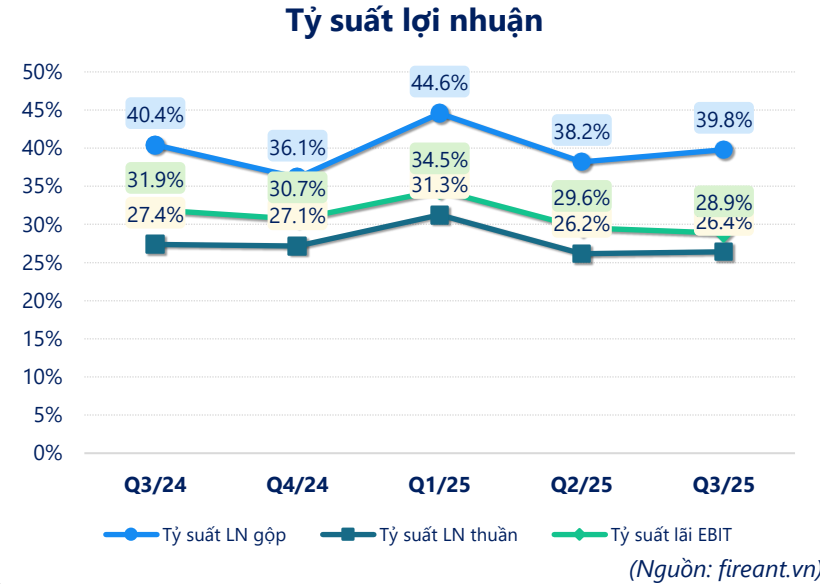
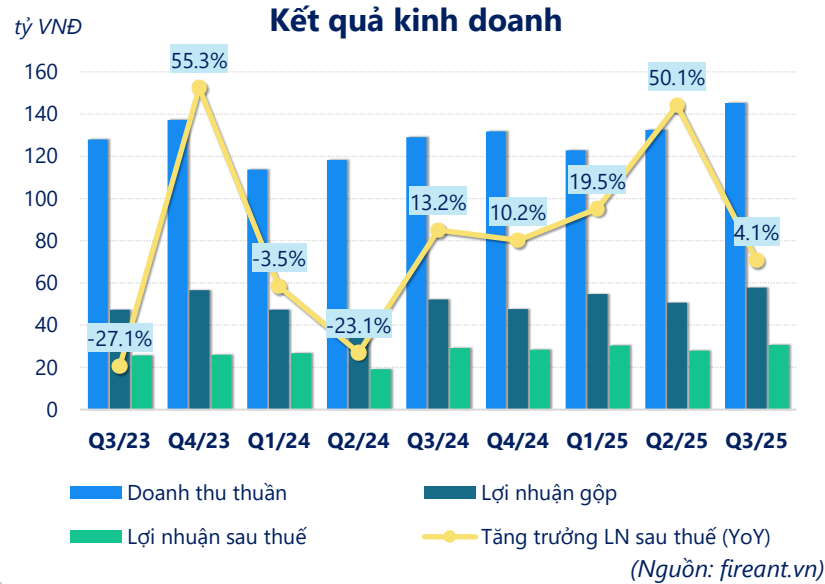


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		26,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		32,614
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		23,982
SL cổ phiếu LH		38,199,492
KLGD BQ 20 phiên (CP)		13,897
% sở hữu nước ngoài		12.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,005
P/E		8.9
EPS		2,940

	YTD	1T	3T	6T
ILB	1.9%	-2.6%	0.9%	-9.2%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,768	1,587	11.4%
Tài sản ngắn hạn	515	369	39.6%
Tiền và tương đương tiền	308	249	23.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	60.4	7.40	716%
Phải thu ngắn hạn	143	112	28.0%
Hàng tồn kho	0.01	0	
Tài sản ngắn hạn khác	3.65	1.08	238%
Tài sản dài hạn	1,253	1,218	2.8%
Phải thu dài hạn	6.09	2.69	126%
Tài sản cố định	692	741	-6.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	105	3.24	3156%
Đầu tư tài chính dài hạn	7.24	7.24	0.0%
Tài sản dài hạn khác	442	465	-4.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	935	1,012	-7.6%
Nợ ngắn hạn	361	475	-23.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	37.9	53.9	-29.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	84.0	225	-62.7%
Nợ dài hạn	573	537	6.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	148	174	-14.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	833	575	44.8%
Vốn chủ sở hữu	833	575	44.8%
Vốn điều lệ	382	245	55.9%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	129	132	123	133	145
Giá vốn hàng bán	76.9	84.2	68.1	81.9	87.4
Lợi nhuận gộp	52.1	47.6	54.7	50.6	57.8
Doanh thu HĐTC	0.64	5.05	0.88	5.35	2.14
Chi phí TC	7.97	5.02	4.25	4.44	3.62
Chi phí lãi vay	4.73	4.96	4.07	4.43	3.60
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.49	1.52	1.30	0.91	0.90
Chi phí QLDN	9.02	10.4	11.7	16.0	17.1
LN thuần từ HĐKD	35.3	35.8	38.4	34.7	38.4
Lợi nhuận khác	1.15	-0.29	-0.10	0.09	-0.05
LN trước thuế	36.4	35.5	38.3	34.8	38.3
Lợi nhuận sau thuế	29.1	28.3	30.3	27.9	30.7
LNST của CĐ cty mẹ	29.1	28.3	28.5	26.3	29.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	59.9	77.7	36.2	108	-119
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.30	-23.2	-9.47	-85.9	-47.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-34.3	-37.6	-15.5	228	-36.2
Tiền đầu kỳ	205	225	249	260	512
Lưu chuyển tiền thuần	23.4	16.8	11.2	250	-202
Ảnh hưởng tỷ giá	-3.39	0	0	1.42	-1.42
Tiền cuối kỳ	225	242	260	512	308

(Nguồn: fireant.vn)